CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG 3R

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG MÔI TRƯỜNG
ĐẾN Số: BC.67
Ngày 09/01/2024
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG 3R

Địa chỉ: Khu công nghiệp Quế Võ, phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

BẮC NINH, 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG 3R

BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG 3R

Địa chỉ: Khu công nghiệp Quế Võ, phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

CƠ QUAN CHỦ QUẢN

M.S.D.N: 2300631200 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG 3R
TP. BẮC NINH - T. BẮC NINH

GIÁM ĐỐC
Đặng Thế Tân

BẮC NINH, 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC 1
THÔNG TIN CHUNG 3
PHẦN 1: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 4
1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải 5
2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải 8
3. Về quản lý chất thải rắn thông thường 10
4. Chất thải nguy hại (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất) 10
5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: 12
PHẦN 2..... TÌNH HÌNH THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI CTRSH, CTRCN, CTNH (Chỉ áp dụng đối với chủ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, CTRCN, CTNH) –. 13
PHẦN 3....TÌNH HÌNH QUẢN LÝ PHẾ LIỆU NHẬP KHẨU (Chỉ áp dụng đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất) – Không áp dụng 15
PHẦN 4..... TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CẢI TẠO VÀ PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN (Chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản)- Không áp dụng. 15
PHỤ LỤC 15

THÔNG TIN CHUNG

1. Tên doanh nghiệp

Tên cơ sở: Công ty cổ phần công nghệ môi trường 3R

Địa chỉ: Khu công nghiệp Quế Võ, phường Vân Dương, tp Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Đại diện: **Ông ĐẶNG THẾ TÂN**

Chức vụ: Giám đốc

Giấy phép đăng ký kinh doanh số: 2300631200

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất các sản phẩm từ plastic

Diện tích thực hiện dự án: 10.170 m^2.

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số: 631/QĐ-STNMT ngày 02 tháng 11 năm 2018

Giấy phép xả nước thải số 662/GP-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2019

Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 35/XN-STNMT ngày 16 tháng 4 năm 2019

ISO 14001-2015: TNV.E.21XXX ban hành ngày 22/01/2022

PHẦN 1: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất thiết kế: 20 m^3/ngày.đêm

- Nước thải sinh hoạt: Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh năm 2023 (Tính đến ngày 22/12/2023) là: 03 m^3/ngày đêm.

+ Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong năm 2023 (Tính đến ngày 22/12/2023): 85 m^3/tháng, tổng lượng nước thải phát sinh trong năm 2023 (Tính đến ngày 22/12/2022) là: 875 m^3/năm.

+ Từ hoạt động sinh hoạt chung bao gồm nhà vệ sinh của cán bộ, công nhân viên và khách đến thăm viếng có thể gây ô nhiễm bởi các chất hữu cơ dạng lơ lửng và hòa tan, có thể chứa vi trùng gây bệnh.

- Nước mưa: Loại nước này sinh ra do lượng nước mưa rơi trên mặt bằng khuôn viên nhà máy. Lượng nước mưa chảy tràn được dẫn đến hệ thống thoát nước mưa của kênh tiêu Kim Đôi 7.

- Nước thải sản xuất: lượng nước thải sản xuất phát sinh trong năm 2023 là: 0.3 m^3/ngày đêm.

1.2. Kết quả quan trắc môi trường nước

1.2.1. Quan trắc định kì nước thải sinh hoạt

- Thời gian quan trắc:

+ Đợt I: 24/02/2023;

+ Đợt II: 13/05/2023;

+ Đợt III: 02/08/2023;

+ Đợt IV: 13/12/2023;

- Tần suất quan trắc: 04 lần/năm

- Vị trí quan trắc và số lượng mẫu quan trắc:

Bảng 1. Thống kê vị trí điểm quan trắc

STT	Tên điểm quan trắc	Kí hiệu	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Đơn vị quan trắc
				Kinh độ	Vĩ độ	
I	**NƯỚC THẢI SINH HOẠT**					
1	Nước thải bể điều hòa của HTXL nước thải sinh hoạt công suất 120 m^3/ngày.đêm	NT1	24/02/2023	2339911	563847	Công ty TNHH Môi trường SETECH Vimcert 265
		NT1	13/05/2023			
		NT1	02/08/2023			
		NT1	13/12/2023			

- Thông số quan trắc:

Bảng 2. Danh mục thông số quan trắc

STT	Thông số	Theo QCVN
1	pH, TSS ,COD, BOD_5, Amoni, Tổng N, Tổng P, Chì, Cadimi, Asen, Thủy ngân, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliforms	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A)

Bảng 3. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích				QCVN 40:2011 /BTNMT (cột A)
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
			NT1	NT1	NT1	NT1	
1	pH	-	7,09	7,05	7,06	6,92	*6-9*
2	TSS	*mg/L*	15	36,0	<15,0	<15,0	*50*
3	COD	*mg/L*	18	10,2	<6	<3,3	*75*
4	BOD_5	*mg/L*	6,3	21,6	<2,1	<9,0	*30*
5	Amoni	*mg/L*	<0,01	<0,01	2	0,13	*5*
6	Tổng N	*mg/L*	7,6	10,4	11,6	<6,0	*20*
7	Tổng P	*mg/L*	0,12	0,23	11,6	0,18	*4*
8	Chì (Pb)	*mg/L*	<0,002	<0,002	<0,09	<0,0051	*0,1*
9	Cadini (Cd)	*mg/L*	<0,001	<0,001	<0,001	<0,00021	*0,05*
10	Asen (As)	*mg/L*	<0,003	<0,003	<0,003	<0,0105	*0,05*
11	Thủy ngân (Hg)	*mg/L*	<0,0005	<0,0005	<0,0005	<0,0009	*0,005*
12	Tổng dầu mỡ khoáng	*mg/L*	<0,3	<0,3	<0,3	<0,9	*5*
13	Coliform	*MPN/ 100mL*	1600	2700	1600	2.400	*3000*

- Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

1. Với nồng độ chỉ tiêu của các chất như bảng số 03 cho thấy mẫu nước thải sinh hoạt tại bể điều hòa và bể xả thải sau HTXL nước thải sinh hoạt công suất 20 m^3/ngày.đêm so sánh với QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột A) đều đảm bảo xả thải ra ngoài môi trường.

2. Mẫu nước thải sau xử lý tại các đợt quan trắc nước thải đều nằm trong quy chuẩn cho phép và không có xảy ra vấn đề bất thường trong quá trình vận hành.

3. Đối với phiếu kết quả quan trắc và phân tích có xác nhận của đơn vị thực hiện quan trắc cần lưu lại cơ sở để phục vụ cho hoạt động kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết

1.2.2. Quan trắc nước thải tự động, liên tục (Không có)

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

2.1. Xử lý khí thải

Hệ thống xử lý bụi từ quá trình nghiền (01 hệ thống) công suất thiết kế: 5.000 m^3/h.

Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình gia nhiệt, cán màng , tạo hạt (01 hệ thống) công suất thiết kế: 5.000 m^3/h.

Tổng lưu lượng khí thải phát sinh năm 2023:

Toàn bộ hệ thống xử lý khí thải hoạt động bình thường, khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B), QCVN 20:2009/BTNMT.

Căn cứ các kết quả quan trắc nước thải định kỳ, nước thải sau hệ thống xử lý hầu hết đạt quy chuẩn cho phép theo quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B), QCVN 20:2009/BTNMT.

2.2. Kết quả quan trắc khí thải

2.1.1. Quan trắc định kì khí thải

- Thời gian quan trắc:

+ Đợt I: 24/02/2023;

+ Đợt II: 13/05/2023;

+ Đợt III: 02/08/2023;

+ Đợt IV: 13/12/2023;

- Tần suất quan trắc: 04 lần/năm

- Vị trí quan trắc và số lượng mẫu quan trắc:

Bảng 4. Thống kê vị trí điểm quan trắc

STT	Tên điểm quan trắc	Kí hiệu	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Đơn vị quan trắc
				Kinh độ	Vĩ độ	
I	**KHÍ THẢI**					
1	Khí thải tại ống khí sau HTXL bụi từ quá trình nghiền	KT1	24/02/2023	2341364	563089	Công ty TNHH Môi trường SETECH Vimcert 265
		KT1	13/05/2023			
		KT1	02/08/2023			
		KT1	13/12/2023			
2	Khí thải tại ống khí sau HTXL bụi, khí thải từ quá trình gia nhiệt, cán màng , tạo hạt	KT2	24/02/2023	2341391	563108	
		KT2	13/05/2023			
		KT2	02/08/2023			
		KT2	13/12/2023			

- Thông số quan trắc:

Bảng 5. Danh mục thông số quan trắc

STT	Nhóm thông số	Thông số	Theo QCVN
I	**KHÍ THẢI**		
1	Thông số vật lý	Bụi tổng	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) QCVN 20:2009/BTNMT
2	Thông số hóa học	SO_2, CO, NO_x, Styren, Etylen Oxyt, Propylen Oxyt, Acrolein, 1,3 – Butadien, Vinylclorua	

Bảng 6. Kết quả quan trắc khí thải tại ống thoát khí sau HTXL từ quá trình nghiền (KT1)

STT	Nhóm thông số	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích				QCVN 19:2009/ BTNMT (cột B)
				Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
				KT1	KT1	KT1	KT1	
1	Vật lý	Bụi tổng	*mg/Nm³*	2,28	6,84	17,1	3,42	***200***
2	Hóa học	SO_2	*mg/Nm³*	KPH	2,62	5,24	5,24	***500***
3		CO	*mg/Nm³*	1,88	2,44	4,14	1,13	***1000***
4		NO_x	*mg/Nm³*	57	45,6	72,8	42,9	***850***

Bảng 7. Kết quả quan trắc khí thải tại ống thoát khí sau HTXL bụi khí thải sau quá trình gia nhiệt, cán màng, tạo hạt (KT2)

STT	Nhóm thông số	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích				QCVN 19:2009/ BTNMT (cột B)
				Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
				KT2	KT2	KT2	KT2	
1	Vật lý	Bụi tổng	*mg/Nm³*	54	20,3	41,4	<30,0	***200***
2	Hóa học	SO_2	*mg/Nm³*	7,86	11,00	7,86	13,10	***500***
3		CO	*mg/Nm³*	13,68	12,54	21,66	10,26	***1000***
4		NO_x	*mg/Nm³*	3,76	4,14	7,71	4,50	***850***
5		Styren	*mg/Nm³*	KPH	KPH	KPH	KPH	***750***
6		Etylen Oxyt	*mg/Nm³*	KPH	KPH	KPH	KPH	***870***
7		Propylen Oxyt	*mg/Nm³*	KPH	KPH	KPH	KPH	***100***
8		Acrolein	*mg/Nm³*	<0,0001	<0,0001	<0,0001	<0,0001	***2,5***
9		1,3 - Butadien	*mg/Nm³*	KPH	KPH	KPH	KPH	***1400***

STT	Nhóm thông số	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích				QCVN 19:2009/ BTNMT (cột B)
				Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
				KT2	KT2	KT2	KT2	
10		Vinylclorua	mg/Nm^3	KPH	KPH	KPH	KPH	*400*

- Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

1. Với nồng độ chỉ tiêu của các chất như bảng số 6, 7 cho thấy mẫu khí thải sau xử lý ở các ống thoát khí sau HTXL tại các đợt quan trắc cho thấy các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép theo **QCVN 19:2019/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ – Cột B và **QCVN 20:2019/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

2. Đối với phiếu kết quả quan trắc và phân tích có xác nhận của đơn vị thực hiện quan trắc cần lưu lại cơ sở để phục vụ cho hoạt động kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết.

2.1.2. Quan trắc khí thải tự động, liên tục (Không có)

3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:

- Thống kê chất thải phát sinh:

+ Chất thải rắn phát sinh trên đường đi, vỉa hè, khuôn viên Cơ sở (lá cây, chất thải rắn sinh hoạt như túi nilon do CBCNV, đất cát rơi vãi,…).

Bảng 8. Thống kê chất thải sinh hoạt

TT	Nhóm CTRSH	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	2.180	Công ty cp môi trường Thuận Thành	
Tổng khối lượng				

3.2. Chất thải rắn công nghiệp (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất)

TT	Nhóm CTRCNTT	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Ghi chú
1	Rác công nghiệp: Bìa catton, vỏ hộp giấy; Túi nilon; Vỏ khay nhựa hỏng;…	177.570	Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành	

	Tổng khối lượng	177.570		

4. Chất thải nguy hại (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất)

Thống kê phát sinh với khối lượng và thành phần như sau:

Bảng 9. Thống kê chất thải nguy hại

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý[(i)]	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Ghi chú
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	1	Nghiền – hóa rắn	Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành; mã số QLCTNH : 1-2-3.036.VX	
Găng tay, giẻ lau, quần áo bảo hộ	18 02 01	40	Thiêu đốt		
Mực in thải	08 02 01	2	Thiêu đốt		
Bao bì cứng thải có chứa TPNH	18 01 02	70	Súc rửa		
Bao bì mềm thải	18 01 01	7	Thiêu đốt		
Than hoạt tính đã qua sử dụng	12 01 04	1410	Thiêu đốt		
Dầu động cơ hộp số	17 02 03	8	Tận thu – thiêu đốt		
Can đựng dầu mỡ thải	18 01 03	8	Thiêu đốt		
Hộp mực in thải	08 02 04	8	Thiêu đốt		
Pin, ắc quy thải	19 06 01	5	Cô lập, đóng kén		
Tổng số lượng					

3. Kế hoạch quản lý CTNH trong kì báo cáo tới: Tiếp tục quản lý, thu gom tập kết đúng nơi quy định. Chất thải được bảo đảm để nơi kín tránh phát sinh ra ngoài môi trường, duy trì và cam kết hợp đồng vận chuyển xử lý chất thải thường xuyên với đơn vị đủ năng lực.

5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố và khắc phục sự cố môi trường:

Kế hoạch phòng ngừa, giảm thiểu sự cố hệ thống xử lý nước thải:

+ Đã ban hành kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố.

+ Công ty đã nghiêm túc thực hiện Luật bảo vệ môi trường 72/2020/QH14.

5.2. Công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

Các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu sự cố môi trường tại cơ sở:

- Biện pháp giảm thiểu sự cố hệ thống xử lý nước thải:

+ Công ty thường xuyên kiểm tra và định kỳ 01 tháng/lần.

+ Hạn chế trồng cây xanh tại những khu vực gần bể tự hoại, gần hệ thống xử lý nước thải tập trung, cạnh các đường ống dẫn nước;

+ Thường xuyên kiểm tra và bổ sung chế phẩm vi sinh để nâng cao hiệu quả xử lý của bể tự hoại.

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý nước thải, các đường ống bên trong và ngoài hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện ra các sự cố và khắc phục kịp thời.

+ Thực hiện đầy đủ Chương trình giám sát nước thải định kỳ để kịp thời phát hiện sự cố khi hiệu quả xử lý của hệ thống không đảm bảo.

- Biện pháp giảm thiểu sự cố hệ thống xử lý khí thải:

+ Cán bộ vận hành hệ thống tuân thủ theo đúng quy trình và thông số kỹ thuật của Nhà sản xuất. Trước khi vận hành, kiểm tra tình trạng các van điều khiển trên hệ thống.

+ Thực hiện đầy đủ Chương trình giám sát khí thải định kỳ để kịp thời phát hiện sự cố khi hiệu quả xử lý của hệ thống không đảm bảo.

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải.

+ Bổ sung đầy đủ hóa chất hấp thụ, thường xuyên nạo vét bùn cặn tại bể lắng để đảm bảo hiệu quả xử lý của hệ thống.

+ Trong trường hợp hỏng quạt hút tại các vị trí phát sinh khí thải: Tạm dừng hoạt động của dây chuyền tại vị trí phát sinh bụi, khí thải có quạt hút bị hỏng và nhanh chóng tiến hành sửa chữa hoặc thay thế.

- Biện pháp ứng phó với sự cố hóa chất

+ Trang bị bảo hộ lao động theo đúng quy định

+ Tránh tiếp xúc với các nguồn tia lửa điện

+ Ngăn chặn sự phát sinh tràn đổ, rò rỉ nếu không có sự rủi ro

+ Phải có hệ thống thông gió tốt để khống chế sự bay hơi và phân tán trong khu vực làm việc. Cô lập vùng bị tràn hóa chất nguy hiểm. Chứa hoặc lấy lại hóa chất nếu có thể. Không để tràn hóa chất vào cống thoát nước, hầm.

+ Vệ sinh, thu gom hỗn hợp xử lý đựng vào thùng chứa chất thải kín đưa đi xử lý theo quy định.

6. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có)

Công ty cổ phần công nghệ môi trường 3R mong muốn nhận được sự hướng dẫn, hỗ trợ của các đơn vị chức năng, chuyên ngành các cấp để Công ty có thể hoàn thành tốt công tác bảo vệ môi trường của nhà máy.

PHẦN 2. TÌNH HÌNH THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI CTRSH, CTRCN, CTNH (Chỉ áp dụng đối với chủ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, CTRCN, CTNH)

1. Đối với chủ thu gom, vận chuyển CTRSH, CTRCNTT

A. Tình hình chung về hoạt động thu gom, vận chuyển CTRSH:

Cơ sở không có hoạt động thu gom, vận chuyển CTRSH

B. Đối với CTRCNTT

- Khối lượng CTRCNTT được thu gom và vận chuyển:

- Thông tin về các tổ chức phát sinh chuyển giao CTRCNTT:

TT	Tên các tổ chức	Khối lượng (tấn)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Công Ty TNHH ECO KOREA	173.000	
2	CÔNG TY TNHH SAMSUNG DISPLAY VIỆT NAM	5.525.300	
3	CÔNG TY TNHH SAMSUNG ELECTRO-MECHANICS VIỆT NAM	675.090	
4	CÔNG TY TNHH SAMSUNG ELECTRONICS VIỆT NAM	1.447.390	
5	CÔNG TY TNHH SAMSUNG ELECTRONICS VIỆT NAM THÁI NGUYÊN	2.187.900	
	Tổng khối lượng	10.008.680	

- Thông tin về các chủ cơ sở xử lý CTRCNTT tiếp nhận để xử lý CTRCNTT do đơn vị trực tiếp thu gom, vận chuyển:

TT	Tên chủ cơ sở xử lý CTRCNTT	Khối lượng (kg)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Công ty cổ phần Môi trường Thuận Thành	177.570	
	Tổng khối lượng	177.570	

2. Đối với chủ xử lý

2.1 Thống kê chất thải được xử lý

A. Đối với CTRSH – không áp dụng do công ty không xử lý CTRSH

B. Đối với CTRCNTT

Số lượng CTRCNTT được quản lý:

TT	Nhóm CTRCNTT	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu cho quá trình tái chế	5.248.256		Chuyển giao cho cơ sở sản xuất phù hợp
2	Sơ chế để làm nguyên liệu sản xuất hoặc đồng xử lý	4.760.424	Phân loại, sơ chế, tái chế tại nhà máy	Phân loại, sơ chế, tái chế,

Thông tin về các chủ nguồn thải CTRCNTT mà đơn vị trực tiếp thu gom:

TT	Tên chủ nguồn thải	Số lượng (kg)	Ghi chú
1	Công Ty TNHH ECO KOREA	173.000	
2	CÔNG TY TNHH SAMSUNG DISPLAY VIỆT NAM	5.525.300	
3	CÔNG TY TNHH SAMSUNG ELECTRO-MECHANICS VIỆT NAM	675.090	
4	CÔNG TY TNHH SAMSUNG ELECTRONICS VIỆT NAM	1.447.390	
5	CÔNG TY TNHH SAMSUNG ELECTRONICS VIỆT NAM THÁI NGUYÊN	2.187.900	
	Tổng khối lượng	10.008.680	

Kết quả vận hành xử lý và hiệu quả xử lý CTRCNTT và các vấn đề bảo vệ môi trường, an toàn lao động được công ty quan tâm và triển khai rất tốt, không phát sinh các sự cố về an toàn lao động và môi trường xung quanh.

PHẦN 3. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ PHẾ LIỆU NHẬP KHẨU (Chỉ áp dụng đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất) – Không áp dụng.

PHẦN 4. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CẢI TẠO VÀ PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN (Chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản)- Không áp dụng.

Nơi nhận:

- *Phòng môi trường- sở tài nguyên môi trường*
- *Lưu văn phòng*

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG 3R

GIÁM ĐỐC

Đặng Thế Tân